TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 15/2020/QĐST-HNGĐ	*Quận 2, ngày 20 tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Án Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 10 tháng 01 năm 2020; Về việc các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 10/2020/TLST–HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2020;

XÉT THẤY:

Sự thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải ngày 10 tháng 01 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Ngọc Đ, sinh năm 1957.
Địa chỉ: đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Đỗ Thị Ngọc C, sinh năm 1956.
Địa chỉ: đường X, phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Tổng những tài sản trong quá trình hôn nhân được phân chia theo thỏa thuận là:

Ông Đ nhận 11.550.000.000 đồng (*Mười một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng*).

Bà C nhận quyền sở hữu tài sản nhà và đất tại địa chỉ số H và phần nhà số F (Hợp đồng mua bán số 675 ngày 04 và 06 tháng 1 năm 2002, Bản thỏa thuận số 5036, quyển C2 lập tại Phòng công chứng N ngày 06/12/2002) và tất cả các tài sản còn lại kể cả các tài sản nhà, đất khác đang trong quá trình hoàn tất giấy tờ.

Ông Đ và bà C nhất trí quá trình thực hiện thỏa thuận như sau:

Ông Đ có trách nhiệm ký mọi giấy tờ pháp lý cần thiết trong quá trình hợp thửa nhà đất H và phần nhà số F.

Sau khi đã hợp thửa xong, ngay khi ông Đ nhận được số tiền 11.550.000.000 đồng (*Mười một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng*) do bà Cự chuyển, thì đồng thời, ông Đức ký các giấy tờ pháp lý cần thiết theo qui định để chuyển quyền sở hữu tài sản nhà và đất tại địa chỉ H cho bà Cự sở hữu.

Hạn chót phải thực hiện xong thỏa thuận phân chia tài sản này là đến ngày 30/10/2020 (*Ngày ba mươi, tháng mười, năm hai ngàn không trăm hai mươi*) bà C phải hoàn tất chuyển cho ông Đ số tiền đã thỏa thuận phân chia là 11.550.000.000 đồng (*Mười một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng*) đã nêu ở trên.

Khi có quyết định của Tòa công nhận nội dung thỏa thuận này, ông Đ từ bỏ quyền tiến hành các thủ tục tố tụng phân chia các tài sản mà ông Đ đã đồng ý để cho bà C sở hữu.

Sau khi bà C thanh toán xong tiền cho ông Đ, bà C được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để cập nhật giấy tờ sở hữu tài sản thuộc sở hữu của bà C.

Nếu 2 bên không tự thi hành thì hai bên có quyền yêu cầu thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí: Miễn án phí do ông Phạm Ngọc Đ, sinh năm 1957 và bà Đỗ Thị Ngọc C, sinh năm 1956 căn cứ theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thuộc trường hợp miễn nộp án phí.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Quận 2;
- VKSND Quận 2;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN